

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/DS-ST

Ngày 15 tháng 6 năm 2020

V/V: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Hải;

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tư;

2. Ông Đào Mạnh Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Hưng- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Bình- Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 211/2019/TLST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2019 về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2020/QĐST-DS ngày 21/5/2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng X.

Địa chỉ: Số 130, đường P, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn H- Giám đốc Ngân hàng X-Chính nhánh Bắc Giang (Theo văn bản uỷ quyền số 597/QĐ-DAB-PC ngày 28/5/2019)

Người được uỷ quyền lại: Bà Thân Thị C, là nhân viên Ngân hàng X-Chính nhánh Bắc Giang.(Theo văn bản uỷ quyền số 336/QĐ-BGG ngày 15/11/2019) (Có mặt).

*** Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Tổ dân phố G, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1986

Địa chỉ: Tổ dân phố G, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án và tại phiên toà bà Thân Thị Chinh là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 13/01/2017, bà Nguyễn Thị D có ký “Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ” số 0118485602 T 17052 với Ngân hàng X-Chinh nhánh Bắc Giang (được gọi tắt là Ngân hàng) với nội dung: Đề nghị vay số tiền 20.000.000 đồng cho mục đích kinh doanh, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay, lãi suất 10%/năm, phương thức thanh toán nợ gốc và lãi theo kỳ, mỗi kỳ vào ngày 19 hàng tháng. Khoản vay trên được chị Nguyễn Thị M (con gái bà D) ký nhận bảo lãnh và cam kết trong trường hợp người vay (bà Nguyễn Thị D) không thực hiện đúng và đầy đủ thì người bảo lãnh sẽ có nghĩa vụ trả thay cho người vay đối với bên Ngân hàng.

Ngày 19/01/2017, sau khi xem xét đề nghị của bà D, Ngân hàng đồng ý cho bà D vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay 10% năm, phương thức thanh toán nợ gốc và lãi theo kỳ. Trong ngày 19/01/2017, bà D đã được giải ngân và ký nhận đủ số tiền 20.000.000đ được thể hiện tại “*Danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ*”. Theo lịch trả nợ, từ 20 tháng 02 năm 2017 đến 19 tháng 01 năm 2018 bà D phải có trách nhiệm trả hết nợ gốc và lãi cho Ngân hàng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà D đã thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán đúng hạn được 2 kỳ trong tháng 2,3 năm 2017.

Từ tháng 4,5,6,7 bà D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng như đã cam kết nên vi phạm nghĩa vụ trả nợ, do đó Ngân hàng đã chuyển dư nợ gốc sang nợ quá hạn. Do bà D không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đúng hạn nên tính đến ngày 15/11/2019 (Ngày khởi kiện) bà D còn nợ Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi là 13.026.0995 nên theo đơn khởi kiện Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà D phải trả số tiền nêu trên. Tuy nhiên, sau khi khởi kiện tại Tòa án bà D tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Cụ thể đến nay bà D đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi là: 16.560.000đồng (Trong đó tiền gốc là 15.483.078đ và tiền lãi là 1.076.922đ). Bà D còn nợ Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi 9.328.938 đồng (Trong đó nợ gốc là 4.516.922 đồng; nợ lãi trong hạn 923.078đồng; lãi quá hạn là 3.888.938 đồng).

Do vậy, Ngân hàng yêu cầu bà D phải trả tổng số tiền gốc, lãi tính đến ngày 15/6/2020 là 9.328.938 đồng (Trong đó nợ gốc là 4.516.922 đồng; nợ lãi trong hạn 923.078đồng; lãi quá hạn là 3.888.938 đồng) và lãi quá hạn phát sinh trên nợ gốc kể từ ngày 16/6/2020 (sau ngày xét xử) đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc.

Trường hợp bà Nguyễn Thị D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì buộc người bảo lãnh là chị Nguyễn Thị M phải có trách

nhệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay bà D đối số tiền bà D còn nợ cho Ngân hàng.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các biện pháp tổng đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cho bị đơn là bà D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị M đến Tòa án để làm việc và thể hiện quan điểm trước yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng bà D, chị M đều vắng mặt, không đến Tòa án để làm việc, không gửi ý kiến bằng văn bản hay bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng bà D, chị M vắng mặt nên nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

* Bà Nguyễn Thị D, chị Nguyễn Thị M tiếp tục vắng mặt không lý do.

* Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày và giữ nguyên quan điểm khởi kiện.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án:

+ Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Điều 90, khoản 2 Điều 91, Điều 95, Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 335, 336; 339; 342 của Bộ luật Dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí.

Xử

1. Buộc bà Nguyễn Thị D phải trả Ngân hàng X tổng số tiền gốc và tiền lãi là 9.328.938 đồng (Trong đó nợ gốc là 4.516.922 đồng; nợ lãi trong hạn 923.078 đồng; lãi quá hạn là 3.888.938 đồng) và tiền lãi phát sinh theo lãi suất quá hạn đối với khoản nợ gốc kể từ ngày 16/6/2020 (sau ngày xét xử) cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc.

2. Trường hợp bà Nguyễn Thị D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì chị Nguyễn Thị M là người bảo lãnh phải có trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ thay cho bà D đối với Ngân hàng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Hoàn trả Ngân hàng X số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án, báo gọi đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị Dân và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị M nhiều lần nhưng bà D, chị M không đến Tòa án trình bày quan điểm, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Do vậy, Tòa án không tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ như ghi lời khai của bà D, chị M được và không tiến hành phiên hoà giải giữa các đương sự trong vụ án được. Mặt khác trước khi mở phiên tòa, Tòa án đã thực hiện tổng đạt, niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập cho bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo đúng quy định của pháp luật như tại phiên tòa sơ thẩm ngày 21/5/2020 bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do, Tòa án đã hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng họ tiếp tục vắng mặt. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị D là cá nhân không có giấy phép đăng ký kinh doanh, vay tiền Ngân hàng X-Chinh nhánh Bắc Giang (được gọi tắt là Ngân hàng) để kinh doanh cá nhân. Kể từ ngày 19/4/2017, bà D vi phạm nghĩa vụ thanh toán, hai bên không tự giải quyết được tranh chấp nên Ngân hàng khởi kiện ra Tòa án nhân dân thành phố B. Tranh chấp giữa Ngân hàng với bà D là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng. Bị đơn bà Nguyễn Thị D cư trú trên địa bàn thành phố B. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý, giải quyết vụ án này là đúng thẩm quyền theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng

[3.1] Trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù bị đơn bà Nguyễn Thị D đã được Tòa án tiến hành tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng cung cấp cho Tòa án tài liệu chứng cứ nào và cũng không thể hiện quan điểm của mình trước yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp gồm: “Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ” số 0118485602 T 17052; “Danh sách cho

vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ”; “*lịch trả nợ*” (đều là bản gốc) đều có chữ ký của bà Nguyễn Thị D và có xác nhận của Hội liên hiệp phụ nữ phường Dĩnh Kế, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Ngày 19/01/2017 Ngân hàng X-Chinh nhánh Bắc Giang giải ngân số tiền 20.000.000đồng cho bà Nguyễn Thị D vay theo “Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ”. Các bên có thỏa thuận về thời hạn vay, lãi suất vay, thời hạn thanh toán. Căn cứ “*Danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ*” do bà D ký nhận thì bà D đã nhận đủ số tiền vay.

[3.2]. Về yêu cầu trả gốc: Trong quá trình thực hiện hợp đồng và cho đến nay bà D đã thực hiện trả tổng số tiền gốc và lãi là 16.560.000đồng (Trong đó tiền gốc là 15.483.078đ và tiền lãi là 1.076.922đ). Do bà D không thực hiện trả gốc và lãi đúng hạn cho Ngân hàng như đã cam kết trong lịch trả nợ. Nay bà D còn nợ Ngân hàng 4.516.922 đồng tiền gốc, do vậy Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà D phải có trách nhiệm trả nợ tiền gốc nói trên là có cơ sở chấp nhận.

[3.3]. Về yêu cầu trả lãi: Đến kỳ hạn trả nợ nhưng phía bị đơn là Dân không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ như đã cam kết tại lịch trả nợ gốc và lãi, mặc dù Ngân hàng đã đôn đốc yêu cầu nhưng phía bà D vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán gốc và lãi cho Ngân hàng là đã vi phạm thời hạn trả nợ nên Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn để tính lãi suất quá hạn như hai bên đã thỏa thuận đối với số tiền gốc chưa thanh toán là đúng.

Vậy tính đến ngày 15/6/2020, số tiền lãi trong hạn và quá hạn phát sinh trên số tiền gốc bà D chưa thanh toán là: 4.812.016 đồng. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn là bà D phải trả đối với số lãi chưa thanh toán cụ thể bằng 4.812.016 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3.4] Từ những phân tích nhận định nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị D phải trả Ngân hàng tổng số tiền gốc và tiền lãi là 9.328.938 đồng (Trong đó nợ gốc là 4.516.922 đồng; nợ lãi trong hạn 923.078đồng; lãi quá hạn là 3.888.938 đồng). Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (16/6/2020), bà Nguyễn Thị D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

[4]. Xét yêu cầu của Ngân hàng đối với nghĩa vụ của người bảo lãnh (chị M): Căn cứ vào phần IV “Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ” số 0118485602 T 17052. Chị Nguyễn Thị M là người bảo lãnh cam kết “*Tôi cam kết trong trường hợp bà Nguyễn Thị D không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ hàng kỳ cho Đông A Bank. Tôi sẽ trả nợ thay cho người vay cho đến khi hết nợ vay tại Đông A Bank. Trường hợp tôi không trả nợ, tôi đồng ý để Đông A Bank có quyền trích từ tài khoản tiền gửi và/hoặc tài sản gửi khác của cá nhân tôi tại Đông A Bank để thu hồi nợ vay*”. Như vậy, chị Nguyễn Thị M đã tự nguyện đứng ra bảo lãnh để thực hiện nghĩa vụ thay cho người được bảo lãnh (người vay bà D) trong trường hợp bà D không thực hiện đúng và đầy đủ. Do

vậy, việc Ngân hàng yêu cầu chị Nguyễn Thị M phải có trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ thay cho bà D đối với Ngân hàng trong trường hợp bà D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 335 và Điều 342 của Bộ luật Dân sự.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả lại Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự
- Căn cứ Điều 90, khoản 2 Điều 91, Điều 95, Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 335; Điều 336; Điều 339; Điều 342 của Bộ luật Dân sự;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng X.
2. Buộc bà Nguyễn Thị D phải trả Ngân hàng X tổng số tiền gốc và tiền lãi là 9.328.938 đồng (Trong đó nợ gốc là 4.516.922 đồng; nợ lãi trong hạn 923.078 đồng; lãi quá hạn là 3.888.938 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Nguyễn Thị D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Trường hợp bà Nguyễn Thị D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì chị Nguyễn Thị M là người bảo lãnh phải có trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ thay cho bà D đối với Ngân hàng.

4. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị D phải chịu 466.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả Ngân hàng X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 325.000 đồng theo biên lai số AA/2016/0000806 ngày 23/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. B;
- CCTHADS TP. B;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Văn Hải